

Bản án số: 58/2025/HS-ST
Ngày 23-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Trường Hận

Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông Hồ Hải Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2025/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Trung T. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không có tên gọi khác. Sinh ngày: 28/12/1989. Tại: Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Cha: Lê Hồng S, sinh năm 1953. Mẹ: Hồ Mỹ N, sinh năm 1955. Vợ: Châu Hằng M, sinh năm 1988 (đã ly hôn). Con: Lê Châu Gia P, sinh năm 2010. Anh, chị, em ruột: 03 người. Lớn nhất sinh năm 1973, nhỏ nhất sinh năm 1985. Tiền án: không.

Nhân thân: Ngày 22/02/2019, bị Tòa án tỉnh Bạc Liêu tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, chấp hành xong ngày 12/6/2020, đã xóa án tích. Tiền sự: 01 lần: Quyết định số 149/QĐ-TA ngày 09/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng. Hiện đang chấp hành cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

2. Họ và tên: Nguyễn Văn Đ. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không có tên gọi khác. Sinh ngày: 10/11/1992. Tại: Bến Tre. Nơi tạm trú: Tổ G, ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Nơi thường trú: Số A, ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre. Nơi ở hiện tại: Không có nơi cư trú nhất định. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Công giáo. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: Không biết chữ. Cha: Nguyễn

Văn C, sinh năm 1971. Mẹ: Nguyễn Thị S1 (đã chết). Anh, chị, em ruột: Không có. Vợ: Không có. Con: Không có. Tiền án: Không. Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 18 tháng theo Quyết định số 79/QĐ-TA, chấp hành xong ngày 30/01/2020. Ngày 06/01/2025 Công an thành phố B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04/QĐ-XPVPHC về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực thành phố B, Trại tạm giam Công an tỉnh B.

* Bị hại: Anh Trần Văn Đ1, sinh năm 1996.

Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ tạm trú: Ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Trung T, Nguyễn Văn Đ là bạn bè, đều không nghề nghiệp ổn định và nghiện ma túy. Do không có tiền tiêu xài, T rủ Đ lấy trộm tài sản của người khác đem bán. Khoảng 23 giờ ngày 16/12/2024, T lấy cây vít loại một đầu bake và một đầu dẹp, màu đen cất giấu trong người rồi giao cho Đ chiếc xe mô tô màu vàng, loại xe Trung Quốc, không rõ biển số để đi tìm tài sản lấy trộm. Khi đến trước đường vào khu nuôi tôm Công nghệ cao “Farm Tony Tuấn” thuộc ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu thì Đ dừng lại, còn T đi bộ vào bên trong phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future FI, màu trắng-nâu-đen, biển số 64F1-515.12 của anh Trần Văn Đ1 đang để trước cửa phòng của nhà kho. Tính dùng cây vít bẻ khóa và mở máy xe chạy về gửi vào nhà giữ xe của Quan âm phật đài, phường N, thành phố B nhưng sợ bị phát hiện nên đem gửi tại nhà xe bệnh viện Đ2. Đến khoảng 08 giờ, ngày 17/12/2024, Đ và T đem xe trộm được đến quán cà phê gặp người tên T1 (không rõ nhân thân) để mượn giấy chứng nhận đăng ký và biển số 60U7-3678 gắn vào xe trộm, còn biển số xe 64F1-515.12 ném bỏ xuống sông B không thu hồi được. Sau đó, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future FI, màu trắng-nâu-đen, được gắn biển số 60U7-3678 chở Đ đến Hẻm G, đường H, phường C, thành phố B mua ma túy sử dụng rồi chạy về gửi xe tại tiệm của anh Lê Trọng P1 và đi bộ về nhà của anh Trương Văn Thông T2 khóm B, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu cách nhà anh P1 khoảng 200m đang bỏ hoang. Tính về trước lấy ma túy ra sử dụng một mình, Đ về sau vào phòng thấy ma túy còn lại nên lấy sử dụng, sau đó T và Đ cùng đến nhà anh Trương Văn T3 nhậu và đến khoảng 22 giờ ngày 17/12/2024, Đ điều khiển xe lấy trộm chở T để tiếp tục tìm tài sản trộm thì bị Công an xã H phối hợp Công an xã V mời Đ về làm việc và tạm giữ xe mô tô trên, còn T chạy thoát. Trong quá trình điều tra bị cáo T và Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 101/KL-HĐĐGTS, ngày 20/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thành phố B kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại FUTURE FI, màu trắng-nâu-đen, số máy JC90E0097285, số khung RLHJC7650MY000806, biển số 64F1-515.12, đã qua sử dụng. Tính đến ngày

16/12/2024 giá trị còn lại thành tiền của xe mô tô biển số 64F1-515.12 là 20.181.250 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 56/CT-VKSTPBL ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu truy tố các bị cáo Lê Trung T và bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lê Trung T và Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điều 17; Khoản 1 Điều 58; điểm s, b khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Trung T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

+ Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm s, i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu và tiêu hủy 01 nón bảo hiểm màu xanh, vành nón đen, phía trước và sau nón có biểu tượng logo “JH” và chữ “John henry”.

- Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận được tài sản bị mất trộm, anh Trần Văn Đ1 đã được nhận bồi thường từ gia đình bị cáo Lê Trung T với số tiền 2.000.000 đồng và không yêu cầu gì khác nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, các bị cáo Lê Trung T và Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Trung T và Nguyễn Văn Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Sau khi nghe Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu trình bày luận tội, bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo Lê Trung T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, riêng bị cáo Đ không trình bày ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Lê Trung T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính các bị cáo trong giai đoạn điều tra; lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, đồng thời phù hợp với lời khai của những bị hại là anh

Trần Văn Đ1 về thời gian, địa điểm thực hiện tội phạm và đặc điểm tài sản bị chiếm đoạt; phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Do nghiện ma túy và không có nghề nghiệp, lại muốn có tiền sử dụng ma túy và tiêu xài cá nhân nên Lê Trung T rủ Nguyễn Văn Đ đi tìm tài sản lấy trộm. Khoảng 23 giờ ngày 16/12/2024 T đã chuẩn bị sẵn 01 cây vít và giao chiếc xe mô tô cho Nguyễn Văn Đ điều khiển cùng tìm tài sản ai sơ hở để trộm. Đến trước đường vào khu nuôi công nghệ cao “Farm Tony T4” Đ dừng xe lại, còn T vào bên trong phát hiện xe mô tô của anh Trần Văn Đ1 để trước cửa nhà kho nên T bẻ khóa lấy xe. Sau khi chiếm đoạt được xe, T đem xe gửi tại nhà xe Quan âm phật đài. Ngày 17/12/2024 Đ và T gặp người tên T1 để mượn giấy chứng nhận đăng ký, biển số để gắn vào xe trộm và khoảng 22 giờ cùng ngày Đ điều khiển xe mô tô vừa trộm được chở T đến địa bàn xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu để tiếp tục tìm tài sản trộm thì bị Công an xã H phối hợp với Công an xã V tạm giữ xe mô tô trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 101/KL-HĐĐGTS ngày 20/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản đã định giá chiếc xe bị cáo T và Đ trộm có trị giá là 20.181.250 đồng.

Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; khi thực hiện hành vi các bị cáo đều biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Mặc dù các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội với nhau, nhưng xét thấy hành vi của các bị cáo chỉ mang tính bộc phát, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể, không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau nên chỉ là đồng phạm giản đơn.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giám nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo T và Đ đều không có tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Riêng bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại số tiền 2.000.000 đồng và được bị hại làm đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo T được áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Tuy hai bị cáo đều tham gia thực hiện hành vi phạm tội nhưng vai trò phạm tội, số lần phạm tội khác nhau nên cần có sự đánh giá, cân nhắc mức độ phạm tội của từng bị cáo khi quyết định hình phạt để có mức hình phạt phù hợp. Trong vụ án này, bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Đ thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo trực tiếp vào lấy trộm tài sản và liên hệ với người tên T1 để lấy biển số mới gắn vào xe vừa trộm được, bị cáo Đ tham gia với vai trò giúp sức tích cực bằng việc cảnh giới cho bị cáo T.

Xét thấy, các bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản một cách táo bạo, thực hiện nhiều vụ án trên địa bàn thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, tạo tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu của người bị hại mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Ngoài ra, các bị cáo đều có nhân thân xấu và đều nghiện ma túy nên cần xử lý nghiêm đối với các bị cáo để cải tạo, giáo dục, giúp các bị cáo có thời gian cai nghiện để có điều kiện tái hòa nhập xã hội, thành công dân có ích, đồng thời giúp răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Trần Văn Đ1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Tịch thu và tiêu hủy đối với 01 nón bảo hiểm màu xanh, vành nón đen, phía trước và sau có biểu tượng logi “JH” và chữ “John Henry”.

Đối với chiếc xe Honda nhãn hiệu Future FI, màu trắng – nâu – đen của bị hại và đã được trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với chiếc mô tô màu vàng, loại xe Trung Quốc, không rõ biển số, bị cáo T đã cầm cho người tên T1 không rõ nhân thân và 01 cây vít loại một đầu bake, một đầu dẹp bị cáo T đã ném mất không thu hồi được nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về các vấn đề khác:

- Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Nguyễn Văn Đ, Công an thành phố B, tỉnh Bạc Liêu ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

- Đối với người bán ma túy và người tên T1 cho bị cáo Lê Trung T mượn giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số 60U7 – 3678 đều không rõ nhân thân, không mời làm việc được nên cơ quan điều tra không làm việc được là có căn cứ.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu về tội danh, hình phạt và các nội dung khác đối với các bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Lê Trung T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Trung T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 20/12/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

Tịch thu và tiêu hủy đối với 01 nón bảo hiểm màu xanh, vành nón đen, phía trước và sau có biểu tượng logi “JH” và chữ “John Henry”.

Vật chứng hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Bị cáo Lê Trung T phải chịu 200.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;

Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị H